

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2026/DS-ST**

Ngày 14 - 5 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý Viết Chấn, ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hòa Bình – Là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trần Duy Quyền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 60/2026/TLST- DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST- DS, ngày 09 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty T1 JACCS (JIVF); địa chỉ: Lầu A Tòa nhà C, số G N, phường X (phường V, Quận C cũ), thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông N2 – Chức vụ: Tổng giám đốc; *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Trần Việt N – Chức vụ: Phó bộ phận quản lý công nợ.

Người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn: Công ty L1; địa chỉ: Đường L, phường H (phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cũ), thành phố Đà Nẵng. *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Thành C – Chức vụ: Giám đốc.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà H Thoa N1, sinh năm 1996 và ông Mai Hữu T, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: 2 V, phường T, tỉnh Đắk Lắk (Đều có mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Ngọc Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn T, xã E (xã E, huyện K cũ), tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng cho nguyên đơn bà H Thoa Niê trình bày:* Ngày 08/11/2023, ông Trương Ngọc Đ ký kết Hợp đồng tín dụng số 930110004722072000 với Công ty T1 (JIVF). Theo nội dung hợp đồng, ông Đ vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 38,933%/năm, mục đích vay để sửa chữa nhà ở. Theo thỏa thuận, ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cả gốc, lãi

và các khoản phí trong thời hạn 24 tháng, mỗi tháng thanh toán số tiền 3.648.783 đồng, bắt đầu từ ngày 30/11/2023.

Phương thức giải ngân: Nhận tiền bằng Căn cước công dân thông qua ủy nhiệm chi tại Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh Đ1. Ngày 09/11/2023 Công ty đã giải ngân số tiền trên thông qua Ủy nhiệm chi số No: 1030423K09081980 ngày 09/11/2023 đối với người nhận tiền Trương Ngọc Đông số tài khoản hưởng 066090014225, số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 30/11/2023 đến ngày 29/02/2024, ông Trương Ngọc Đ đã thanh toán cho JIVF tổng số tiền 11.225.365 đồng, trong đó: Nợ gốc: 6.146.965 đồng; Lãi trong hạn: 5.042.400 đồng; Phí quản lý tài khoản: 36.000 đồng. Tuy nhiên, kể từ sau ngày 29/02/2024 đến nay, ông Đ không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, mặc dù phía JIVF đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở qua điện thoại và trực tiếp đến nơi cư trú để yêu cầu thanh toán. Việc ông Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã vi phạm Điều 3; Điều 8 của hợp đồng, ảnh hưởng đến quyền lợi của JIVF. Do đó, JIVF khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

Buộc ông Trương Ngọc Đ phải trả cho Công ty T1 (JIVF) số tiền vay tính đến ngày 14/5/2026 là 83.348.087 đồng, bao gồm: Nợ gốc còn lại 53.853.035 đồng, L trong hạn 22.526.360 đồng, L quá hạn 6.824.692 đồng, phí quản lý tài khoản vay 144.000 đồng. Ông Trương Ngọc Đ còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh (bao gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn) và các khoản phí theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Ngọc Đ mặc dù đã được Cơ quan thừa phát lại tổng đạt trực tiếp và Tòa án niêm yết các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng ông Trương Ngọc Đ vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 Jaccs. Buộc ông Trương Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 JACCS (JIVF) số tiền 83.348.087 đồng, bao gồm: Nợ gốc còn lại 53.853.035 đồng; Lãi trong hạn 22.526.360 đồng; Lãi quá hạn 6.824.692 đồng, phí quản lý tài khoản vay 144.000 đồng tính đến ngày 14/5/2026 và kể từ ngày

15/5/2026 phải tiếp tục chịu khoản lãi theo hợp đồng tín dụng. Về án phí: Thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

Bị đơn ông Trương Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ngày 08/11/2023, ông Trương Ngọc Đ và Công ty T1 (JIVF) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 930110004722072000. Theo hợp đồng, ông Đ vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 38,933%/năm, mục đích vay sửa chữa nhà ở. Ngày 09/11/2023, phía nguyên đơn đã thực hiện giải ngân đầy đủ số tiền vay cho ông Đ thông qua ủy nhiệm chi. Như vậy, hợp đồng tín dụng đã được các bên thực hiện trên thực tế. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã thanh toán được một phần nghĩa vụ với tổng số tiền 11.225.365 đồng, trong đó đã trả một phần nợ gốc và lãi. Tuy nhiên, từ ngày 29/02/2024 đến nay, ông Đ không tiếp tục thanh toán theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa các bên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định pháp luật, nguyên đơn đã thực tế giải ngân khoản vay cho bị đơn nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Việc ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán là hành vi vi phạm hợp đồng, làm phát sinh trách nhiệm trả nợ.

Do đó, Công ty T1 Jaccs khởi kiện buộc ông Trương Ngọc Đ phải trả nợ tính đến ngày 14/5/2026 là 83.348.087 đồng, bao gồm: Nợ gốc 53.853.035 đồng, L trong hạn 22.526.360 đồng, L quá hạn 6.824.692 đồng và phí quản lý tài khoản 144.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Về lãi phát sinh: Yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

[3] Về án phí: Bị đơn ông Trương Ngọc Đ phải chịu 83.348.087 đồng x 5% = 4.167.404 đồng (làm tròn 4.167.500 đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

- Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T1 Jaccs.

Buộc ông Trương Ngọc Đ có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 Jaccs số tiền 83.348.087 đồng (Tám mươi ba triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn không trăm tám mươi bảy đồng), bao gồm: Nợ gốc còn lại 53.853.035 đồng (Năm mươi ba triệu tám trăm năm mươi ba nghìn không trăm ba mươi lăm đồng), L trong hạn 22.526.360 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi đồng), L quá hạn 6.824.692 đồng (Sáu triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi hai đồng), P quản lý tài khoản vay 144.000 đồng (Một trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tính đến ngày 14/5/2026.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (15/5/2026), ông Trương Ngọc Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 930110004722072000 ngày 08/11/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Bị đơn ông Trương Ngọc Đ phải chịu 4.167.500 đồng (Bốn triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả cho Công ty T1 Jaccs 2.084.000 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000787 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4 – Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Đình Nam